

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **279/2022/HS- ST**

Ngày: 28/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Giàng A Khá.**

Ông **Mùa A Phênh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Tiến Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 254/2022/TLST- HS ngày 17 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2022/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/HSST- QĐ ngày 09/9/2022 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn C**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1983, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Thôn TH 11, xã TC, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T, sinh năm 1946; Con bà: Phạm Thị H; Sinh năm 1954; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 01/3/2005 Bị cáo bị TAND huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xử phạt 42 tháng tù về tội “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia” theo Bản án số: 49/HSST, sau đó Bị cáo kháng cáo lên TAND tỉnh Điện Biên xét xử Phúc thẩm và được giảm còn 36 tháng tù theo Bản án số: 37/HSPT, ngày 12/4/2005, ngày 26/6/2007 Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 29/4/2009, Bị cáo bị UBND tỉnh Điện Biên ra Quyết định số: 638/QĐ-UBND đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng, ngày 02/4/2011 Bị cáo đã chấp hành xong; Ngày 09/02/2012 Bị cáo bị TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 26/2012/HSST, ngày 13/9/2012 Bị cáo đã chấp hành xong; Ngày 28/8/2013 Bị cáo bị TAND huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số: 199/2013/HSST; Ngày

15/11/2013 Bị cáo bị TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 06/2013/HSST. Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 bản án Bị cáo phải chấp hành là 54 tháng tù, ngày 02/6/2017 Bị cáo chấp hành xong. Bị cáo đã được xóa án tích đối với các bản án trên nhưng Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/6/2022 cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* *Bị hại*: Chị Lê Thị T1; sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn TH 11, xã TC, huyện DB, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

* *Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm*:

- Anh Vũ Quang H; sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn HY, xã TY, huyện DB, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

- Chị Hoàng Thị N; sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn HY, xã TY, huyện DB, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

- Bà Phạm Thị H; sinh năm: 1954; Địa chỉ: Thôn TH 11, xã TC, huyện DB, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

* *Người làm chứng*: Ông Lê Văn T; sinh năm: 1946; Địa chỉ: Thôn TH 11, xã TC, huyện DB, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 31/5/2022, Lê Văn C có mượn chiếc xe đạp của bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ của C) để đi uống thuốc Methadol ở Trạm y tế xã TC, huyện DB, tỉnh Điện Biên. Khoảng 09 giờ ngày cùng ngày, chị Lê Thị T1, sinh ngày 20/01/1979, trú tại thôn TH 11, xã TC, huyện DB, tỉnh Điện Biên có cắm sạc chiếc điện thoại nhãn hiệu XIAOMI, loại REDMI 9T để trên bàn trong phòng khách nhà chị T1 sau đó chị T1 đi sang nhà bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ chị T1) ở cùng thôn để chơi. Khi đó Bị cáo C đi uống thuốc Methadol về đi qua nhà chị T1 (chị gái của Bị cáo) thì thấy cổng không khoá nên đã đi vào trong nhà chị T1. Bị cáo vào trong nhà thấy cháu Nguyễn Quốc Đăng K, sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Quốc T2, sinh năm 2007 (là hai con trai chị T1) ở trong nhà, lúc đó cháu T2 đang nằm trong buồng ngủ, cháu K nằm trên giường ở phòng khách nhưng mặt quay vào trong tường. Sau đó Bị cáo có nhìn thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, loại REDMI 9T đang cắm sạc để trên bàn gỗ ở phòng khách, lúc này Bị cáo thấy cháu T2 và K không phát hiện ra mình vào trong nhà nên đã nảy sinh ra ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. Bị cáo dùng tay phải rút dây sạc chiếc điện thoại rồi cầm chiếc điện thoại cất vào trong túi quần bên phải mà Bị cáo đang mặc rồi đi ra khỏi nhà chị T1 về nhà bà H. Khi Bị cáo về đến nhà bà H thấy chị T1 đang nói chuyện với bà H, ông T ở sân, Bị cáo có đi ba người thì chị T1 có chỉ tay vào túi quần bên phải Bị cáo hỏi “Cái gì trong quần mày thế” thì Bị cáo nói “Cái ví”. Sau đó, Bị cáo có lấy ô ở nhà rồi tiếp tục dùng xe đạp đi xuống xã TY, huyện DB

tìm chỗ cầm cầm chiếc điện thoại trên để lấy tiền chi tiêu cho bản thân. Bị cáo mang chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đến quán cầm đồ của anh chị N H ở Thôn HY, xã TY, huyện DB, thỏa thuận bằng miệng cầm cầm chiếc điện thoại trên với chị Hoàng Thị N, lúc này chỉ có chị N ở nhà, chị N gọi điện cho chồng là anh Vũ Quang H về việc Bị cáo C cầm cầm chiếc điện thoại trên, sau đó chị N đồng ý cho Bị cáo cầm cầm chiếc điện thoại với số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền Bị cáo sử dụng hết số tiền trên chi tiêu cho bản thân. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Bị cáo quay lại cửa hàng cầm đồ N H với ý định bán chiếc điện thoại mà Bị cáo đã cầm cầm. Khi đến quán chỉ có chị N ở nhà và Bị cáo nói muốn bán chiếc điện thoại đã cầm cầm với số tiền 2.000.000 đồng. Lúc này chồng chị N không ở nhà nên chị N không biết kiểm tra và định giá chiếc điện thoại, rồi chị N gọi điện cho anh H về việc Bị cáo muốn bán chiếc điện thoại đã cầm cầm, anh H đồng ý mua chiếc điện thoại với số tiền 1.500.000 đồng, Bị cáo đồng ý bán chiếc điện thoại trên nhưng Bị cáo chưa lấy tiền. Đến khoảng 09 giờ ngày 01/6/2022, Bị cáo quay lại gặp chị N để lấy số tiền 500.000 đồng còn lại và sử dụng hết số tiền đó chi tiêu cho bản thân. Ngày 01/6/2022 chị Lê Thị T1 đã làm đơn trình báo Công an xã TC về việc bị mất tài sản là chiếc điện thoại di động. Quá trình làm việc, bị cáo Lê Văn C đã thành khẩn khai báo toàn bộ nội dung, sự việc phạm tội. Ngày 03/6/2022 Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện DB khởi tố và bắt tạm giam.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 21/KL-ĐGTS ngày 03/6/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DB, kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, loại REDMI 9T, màu đen đã qua sử dụng, mua từ ngày 30/7/2021 với giá 3.990.000 đồng. Tính khấu hao đến nay là 20% còn lại 80% giá trị so với giá trị tài sản là 3.192.000 đồng. Giá trị tài sản mà Bị cáo Lê Văn C trộm cắp được vào ngày 31/5/2022 là: 3.192.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 169/CT-VKSDB ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lê Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn C khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của Bị hại; những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận điều tra và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 07 giờ ngày 31/5/2022, tại thôn TH 11, xã TC, huyện DB, Bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị T1 là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, loại REDMI 9T, màu đen đã qua sử dụng (không có sim), sau đó đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án:

Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản có giá trị là 3.192.000 đồng. Hành vi của Bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện DB, tỉnh Điện Biên, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. C vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, học hết lớp 09/12 thì bỏ học, làm ruộng phụ giúp gia đình.

Ngày 01/3/2005 Bị cáo bị TAND huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xử phạt 42 tháng tù về tội “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia” theo Bản án số: 49/HSST, sau đó Bị cáo kháng cáo lên TAND tỉnh Điện Biên xét xử Phúc thẩm và được giảm còn 36 tháng tù theo Bản án số: 37/HSPT, ngày 26/6/2007 Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống.

Ngày 29/4/2009, Bị cáo bị UBND tỉnh Điện Biên ra Quyết định số: 638/QĐ-UBND đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng, ngày 02/4/2011 Bị cáo đã chấp hành xong trở về địa phương sinh sống.

Ngày 09/02/2012 Bị cáo bị TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 26/2012/HSST, ngày 13/9/2012 Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống.

Ngày 28/8/2013 Bị cáo bị TAND huyện ĐB, tỉnh Điện xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số: 199/2013/HSST; Ngày 15/11/2013 Bị cáo bị TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 06/2013/HSST. Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 bản án Bị cáo phải chấp hành là 54 tháng tù, ngày 02/6/2017 Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống. Bị cáo đã được xóa án tích đối với các bản án trên nhưng Bị cáo có nhân thân xấu.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, ngoài ra Bố đẻ của Bị cáo được Nhà nước tặng tH Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị đối với Bị cáo, HĐXX thấy có đủ cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên đối với mức hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị xử phạt Bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù. HĐXX thấy rằng Bị cáo là người đã bị xét xử qua rất nhiều bản án, đã đi chấp hành hình phạt tù rất nhiều lần nhưng Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, nghiện ma túy, lười lao động, không chịu rèn luyện tu dưỡng đạo đức để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Vì vậy có thể xử mức hình phạt cao hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, mới mang tính

chất rắn đen, giáo dục Bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của Bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của Bị cáo là làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5]. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Về vật chứng vụ án thu giữ được gồm:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, loại REDMI 9T, màu đen đã qua sử dụng. Ngày 06/6/2022 Cơ quan điều tra huyện DB ra Quyết định xử lý vật chứng số: 22 và đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu chị Lê Thị T1. Xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ, do vậy HĐXX cần chấp nhận.

+ 01 chiếc xe đạp Mini màu trắng đen đã qua sử dụng, Bị cáo mượn của mẹ đẻ Bị cáo là bà Phạm Thị H, bà H không biết Bị cáo dùng vào việc phạm tội. Ngày 07/6/2022 Cơ quan điều tra huyện DB ra Quyết định xử lý vật chứng số: 23, đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu bà Phạm Thị H. Xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ, do vậy HĐXX cần chấp nhận.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị T1 không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H; anh Vũ Quang H, chị Hoàng Thị N về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường, nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của chị Lê Thị T1; bà Phạm Thị H; anh Vũ Quang H, chị Hoàng Thị N là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với bà Phạm Thị H cho Bị cáo mượn chiếc xe đạp đi nhưng không biết Bị cáo dùng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra Công an huyện DB và Viện kiểm sát nhân dân huyện DB không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với anh Vũ Quang H và chị Hoàng Thị N là người đã mua chiếc điện thoại mà Bị cáo đã trộm cắp, qua xác minh anh H và chị N đều không biết chiếc điện thoại trên là do Bị cáo phạm tội mà có. Cơ quan điều tra Công an huyện DB và Viện kiểm sát nhân dân huyện DB không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[7.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7.2] Về sự vắng mặt của Bị hại chị Lê Thị T1; những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Phạm Thị H; anh Vũ Quang H, chị Hoàng Thị N; người làm chứng ông Lê Văn T. Xét thấy Bị hại; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra Bị hại; những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt Bị hại; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn C phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt Bị cáo: **02 (hai) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (03/6/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

2. Về vật chứng:

Chấp nhận biên bản trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện DB, tỉnh Điện Biên cho chủ sở hữu là chị Lê Thị T1 và bà Phạm Thị H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận đề nghị của Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với Bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có NVLQ;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan